

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC THẮNG LỢI VÀ
CÔNG TY CON**

MỤC LỤC

----- oOo -----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	01-03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	05-08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10-11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12-45

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC THẮNG LỢI VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi và Công ty con (gọi chung là "Công ty") trân trọng đệ trình Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi (gọi tắt là "Công ty"), tên cũ là Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Việt Đất Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310151834, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần.

Hoạt động kinh doanh của Công ty

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Tên tiếng Anh: THANG LOI REAL ESTATE JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: THANG LOI REAL ESTATE., JSC.

Trụ sở chính: Số 51 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất gồm có:

Hội đồng Quản trị

Ông	Dương Long Thành	Chủ tịch
Ông	Nguyễn Thanh Quyền	Thành viên
Bà	Đào Thị Thảo Uyên	Thành viên
Ông	Loan Văn Sơn	Thành viên
Ông	Phan Minh Hoàng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà	Tô Thị Thúy Hà	Trưởng ban
----	----------------	------------

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Thanh Quyền	Tổng Giám Đốc (Bổ nhiệm theo QĐ số 86/QĐ-TL ngày 01/10/2020)
Ông	Dương Long Thành	Tổng Giám Đốc (Miễn nhiệm theo QĐ số 85/QĐ-TL ngày 01/10/2020)
Ông	Phan Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm theo QĐ số 87/QĐ-TL ngày 01/10/2020)
Ông	Bùi Đức Trung	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm theo QĐ số 51/QĐ-TL ngày 01/6/2020)
Bà	Nguyễn Thị Anh Thư	Kế toán trưởng (Bổ nhiệm theo QĐ số 52/QĐ-TL ngày 01/6/2020)

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính là

Ông	Dương Long Thành	Chủ tịch HĐQT
Ông	Nguyễn Thanh Quyền	Tổng Giám Đốc
Ông	Phan Minh Hoàng	Phó Tổng Giám đốc

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (AISC) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho báo cáo tài chính hợp nhất. Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Quyền

Tổng Giám đốc

Kính gửi:**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỊA ỐC THẮNG LỢI VÀ CÔNG TY CON**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của **Công ty Cổ Phần Địa Ốc Thăng Lợi** (gọi tắt là "Công ty mẹ") và **Công ty con** (Công ty mẹ và Công ty con sau đây gọi tắt là "Tập đoàn"), được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của **Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi và Công ty con** tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

KIỂM TOÁN VIÊN

ĐẬU NGUYỄN LÝ HẰNG
Số Giấy CNDKHNKT: 1169-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

ĐỖ THỊ HẰNG
Số Giấy CNDKHNKT: 4226-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.174.661.914.705	961.850.018.798
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	29.097.768.024	32.158.738.635
1. Tiền	111		17.954.099.278	27.158.738.635
2. Các khoản tương đương tiền	112		11.143.668.746	5.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		25.854.546.257	24.817.470.801
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	25.854.546.257	24.817.470.801
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		364.409.101.378	380.788.517.499
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	39.772.683.726	43.745.445.522
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	135.850.861.710	63.611.688.247
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5a	26.830.000.000	43.950.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	167.698.448.429	231.858.372.843
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,4,6	(5.742.892.487)	(2.376.989.113)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.8	725.141.683.238	497.899.799.251
1. Hàng tồn kho	141		725.141.683.238	497.899.799.251
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		30.158.815.808	26.185.492.612
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11a	2.470.560.882	155.211.719
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		27.688.254.926	26.030.280.893
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		359.200.189.804	221.452.519.449
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	61.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.5b	-	61.000.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		130.173.570.262	134.268.785.315
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	19.733.317.974	23.786.033.027
- Nguyên giá	222		32.894.606.588	30.862.753.862
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.161.288.614)	(7.076.720.835)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	110.440.252.288	110.482.752.288
- Nguyên giá	228		110.644.252.288	110.644.252.288
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(204.000.000)	(161.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		61.132.045	207.218.700
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		61.132.045	207.218.700
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	8.960.291.761	20.008.703.287
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.960.291.761	20.008.703.287
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		220.005.195.736	5.967.812.147
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	1.853.917.272	5.967.644.824
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		7.453.107.114	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		210.698.171.350	167.323
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.533.862.104.509	1.183.302.538.247

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.033.225.062.306	905.189.036.651
I. Nợ ngắn hạn	310		962.875.089.098	890.131.704.379
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	V.12	36.627.762.732	58.890.596.773
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	38.439.207.317	17.975.053.649
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	19.796.275.608	10.239.106.395
4. Phải trả người lao động	314		7.347.008.247	3.905.350.420
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	7.515.455.972	32.385.458.416
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.890.926.493	1.969.327.820
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16a	750.165.960.803	705.217.254.530
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a,b	98.420.445.884	59.549.556.376
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.672.046.042	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		70.349.973.208	15.057.332.272
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16b	52.606.786.000	105.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17c	17.743.187.208	14.952.332.272
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		500.637.042.203	278.113.501.596
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	500.637.042.203	278.113.501.596
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		400.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		92.906.415.587	67.921.108.391
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.921.108.391	27.766.556.875
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		77.985.307.196	40.154.551.516
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		7.730.626.616	10.192.393.205
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.533.862.104.509	1.183.302.538.247

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thế Huân

Nguyễn Thị Anh Thư

Nguyễn Thanh Quyền

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	492.339.308.620	349.506.169.116
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	7.837.726.900	8.350.898.022
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	484.501.581.720	341.155.271.094
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	309.615.034.387	183.691.154.880
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		174.886.547.333	157.464.116.214
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	12.063.455.072	873.042.779
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	13.860.589.074	7.638.574.289
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		13.860.589.074	7.638.574.289
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(1.394.686.526)	(2.021.713)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.7a	34.965.249.385	57.980.411.723
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7b	38.281.457.746	42.154.388.570
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		98.448.019.674	50.561.762.698
12. Thu nhập khác	31	VI.8	2.001.775.342	684.406.989
13. Chi phí khác	32	VI.9	4.668.045.145	592.905.489
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(2.666.269.803)	91.501.500
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		95.781.749.871	50.653.264.198
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	24.393.780.984	10.506.300.471
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(7.453.107.114)	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		78.841.076.001	40.146.963.727
Cổ đông của Công ty mẹ	61		77.985.307.196	40.154.551.516
Cổ đông không kiểm soát	62		855.768.805	(7.587.789)
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.12	2.980	2.008
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.12	2.980	2.008

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thế Huân

Nguyễn Thị Anh Thư

Nguyễn Thanh Quyền

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		95.781.749.871	50.653.264.198
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9,10	6.329.272.695	5.561.075.748
- Các khoản dự phòng	03	VI.7	5.742.892.487	1.188.494.556
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(12.026.359.988)	(2.280.954.313)
- Chi phí lãi vay	06	VI.6	13.860.589.074	7.638.574.289
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		109.688.144.139	62.760.454.478
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		(85.594.557.513)	(78.695.926.517)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		(227.241.883.987)	(419.777.806.663)
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		81.291.927.336	577.514.242.696
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(208.899.625.638)	(4.899.700.397)
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.860.589.074)	(7.638.574.289)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(14.530.366.037)	(5.426.166.099)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	10.199.980.994
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(3.645.489.352)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(362.792.440.126)	134.036.504.203
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(2.888.702.435)	(3.684.311.078)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		763.636.364	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	IX.1	(62.431.998.437)	(158.767.470.801)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	IX.1	229.514.922.981	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.962.313.474)	(5.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		10.725.000	-
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.063.455.072	8.309.582.876
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		168.069.725.071	(154.147.199.003)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		150.000.000.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	IX.2	201.942.660.362	64.947.000.000
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	IX.3	(160.280.915.918)	(66.391.842.992)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		191.661.744.444	(1.444.842.992)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(3.060.970.611)	(21.555.537.792)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		32.158.738.635	53.714.276.427
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	29.097.768.024	32.158.738.635

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thế Huân

Nguyễn Thị Anh Thư

Nguyễn Thanh Quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1. Thành lập**

Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi (gọi tắt là "Công ty"), tên cũ là Công ty Cổ phần Bất Động Sản Nhà Việt Đất Việt hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310151834, đăng ký lần đầu ngày 14 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 12 năm 2020 về việc tăng vốn điều lệ từ 250.000.000.000 đồng lên 400.000.000.000 đồng.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Trụ sở chính: Số 51 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Đầu tư và kinh doanh Bất động sản.**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất: Không có.**6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2020: 134 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2019: 123 nhân viên).****7. Cấu trúc doanh nghiệp****7.1. Danh sách các công ty con**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có ba (03) công ty con sở hữu trực tiếp như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Thanh Long Newtown Địa chỉ: Thăng Lợi Plaza, KDC Thăng Lợi Central Hill, Tinh lộ 835C, Xã Phước Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	94,8%	94,8%	94,8%
Công ty Cổ phần Bất động sản Central Hill Địa chỉ: Thăng Lợi Plaza, KDC Thăng Lợi Central Hill, Tinh lộ 835C, Xã Phước Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Kinh doanh Bất động sản	99,0%	99,0%	99,0%
Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Lợi Riverside Địa chỉ: Thăng Lợi Plaza, KDC Thăng Lợi Central Hill, Tinh lộ 835C, Xã Phước Lợi, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	99,0%	99,0%	99,0%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

7.2. Danh sách các công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty có năm (05) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất động sản Thăng Lợi Tây Nguyên	Kinh doanh Bất động sản	30%	30%	30%
Địa chỉ: Số 297 Đường Số 7, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất động sản Thăng Lợi Miền Nam	Kinh doanh Bất động sản	30%	30%	30%
Địa chỉ: Số 337 Tên Lửa, Phường Bình Trị Đông B, Quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Dịch Vụ Winservice	Kinh doanh Bất động sản	40%	40%	40%
Địa chỉ: Số 51 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Thăng Lợi Long An	Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	30%	30%	30%
Địa chỉ: Thăng Lợi Plaza, KDC Thăng Lợi Central Hill, Tinh lộ 835C, Xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, Tỉnh Long An, Việt Nam.				
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Newland	Tư vấn, môi giới, đấu giá Bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.	45%	45%	45%
Địa chỉ: Số 51 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.				

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính hợp nhất

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các kỳ kế toán tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư sửa đổi, bổ sung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty Cổ Phần Địa Ốc Thắng Lợi và Công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày "Tập đoàn" thực sự nắm quyền kiểm soát các Công ty con, và chấm dứt vào ngày "Tập đoàn" thực sự chấm dứt quyền kiểm soát Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty con được lập cùng kỳ kế toán với Công ty Cổ Phần Địa Ốc Thắng Lợi theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty Cổ Phần Địa Ốc Thắng Lợi. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa Công ty con và Công ty Cổ Phần Địa Ốc Thắng Lợi.

Tất cả các số dư giữa các đơn vị trong cùng "Tập đoàn" và các khoản doanh thu, thu nhập, chi phí phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Tập đoàn", kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong nội bộ "Tập đoàn" đang nằm trong giá trị tài sản được loại trừ hoàn toàn.

Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đang phản ánh trong giá trị tài sản cũng được loại bỏ trừ khi chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của Công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn, được trình bày riêng biệt trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của "Tập đoàn" trong phần Vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại (hoặc lãi từ giao dịch mua rẻ) phát sinh từ giao dịch mua công ty con là chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư và giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được phân bổ dần đều trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa không quá 10 năm. Thời gian hữu ích trong điều kiện hoạt động bình thường của doanh nghiệp kinh doanh Bất động sản được xác định kể từ thời điểm chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán Bất động sản và dự kiến kết thúc theo chu kỳ kinh doanh của từng dự án.

Định kỳ, Công ty đánh giá lại tổn thất lợi thế thương mại, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

1. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (tiếp theo)**1.1 Các nghiệp vụ nhận chuyển nhượng cổ phần trong năm*****Mua lại Công ty Cổ phần Bất động sản Central Hill***

Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông và nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Bất động sản Central Hill kể từ ngày 25/03/2020 với quyền biểu quyết 99% tỷ lệ sở hữu tại ngày mua là 99%.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Bất động sản Central Hill được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định tương ứng với giá trị ghi sổ và lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất được phân bổ trong thời gian hữu ích kể từ năm 2021.

	Giá trị hợp lý tại ngày mua
Tài sản	117.972.148.285
Nợ phải trả	48.057.393.589
Tài sản thuần	69.914.754.696
Tài sản thuần được hợp nhất (99%)	69.215.607.149
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	159.474.392.851
Tổng chi phí hợp nhất	228.690.000.000

Mua lại Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Lợi Riverside

Tập đoàn đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông và nắm giữ quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Lợi Riverside kể từ ngày 27/11/2020 với quyền biểu quyết 99%, tỷ lệ sở hữu tại ngày mua là 99%.

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Lợi Riverside được Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn xác định tương ứng với giá trị ghi sổ và lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất được phân bổ trong thời gian hữu ích kể từ năm 2021.

	Giá trị hợp lý tại ngày mua
Tài sản	260.168.241.293
Nợ phải trả	161.836.535.410
Tài sản thuần	98.331.705.883
Tài sản thuần được hợp nhất (99%)	97.348.388.824
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất	51.223.611.176
Tổng chi phí hợp nhất	148.572.000.000

Nhận chuyển nhượng thêm cổ phần Công ty TNHH Thanh Long Newtown

Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty TNHH Thanh Long Newtown từ các cổ đông với giá nhận chuyển nhượng là 5.000.000.000 VND (tương ứng 5% vốn cổ phần) theo hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp ký kết ngày 25 tháng 9 năm 2019. Theo đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn chiếm quyền kiểm soát và tỷ lệ sở hữu là 94,8%.

1.2 Các nghiệp vụ chuyển nhượng cổ phần trong năm

Tập đoàn đã thông qua việc thoái vốn toàn bộ cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vinatown theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 03/2020/BB-HĐQT ngày 27 tháng 3 năm 2020 với giá chuyển nhượng 20.000.000.000 VND và Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký kết ngày 28 tháng 3 năm 2020. Theo đó tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vinatown không còn là công ty liên kết của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này. Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, các khoản vốn góp ban đầu được ghi nhận theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn trong tài sản thuần của Công ty liên kết sau khi mua. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết sau khi mua thành một chỉ tiêu riêng biệt.

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày gộp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà thực hiện đánh giá hàng năm xem lợi thế thương mại có bị suy giảm hay không.

Báo cáo tài chính của Công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được thực hiện để đảm bảo các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Bất động sản được mua hoặc xây dựng với mục đích để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Công ty, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá được ghi nhận là hàng tồn kho. Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí tiền sử dụng đất và các chi phí xây dựng, chi phí trực tiếp và chi phí chung khác có liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc bán hàng. Khi cần thiết thì dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển, bị hỏng và trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**6.1 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

Tài sản cố định hữu hình mua sắm

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua (trừ (-) các khoản được chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng, như chi phí lắp đặt, chạy thử, chuyên gia và các chi phí liên quan trực tiếp khác.

6.2 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng theo dự kiến.

Xác định nguyên giá trong từng trường hợp:

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

6.3 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau

Nhà xưởng, vật kiến trúc 25 năm

Máy móc, thiết bị 3 - 5 năm

Phương tiện vận tải, truyền dẫn 6 năm

Thiết bị, dụng cụ quản lý 3 - 5 năm

Phần mềm máy vi tính 4 năm

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Tập đoàn bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau: công cụ dụng cụ, thông tin dữ liệu, chi phí thuê văn phòng, chi phí môi giới, chi phí nhà mẫu, chi phí hoa hồng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

8. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Tập đoàn thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa Tập đoàn và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tập đoàn.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Tập đoàn ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng khế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

10. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay: lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp được ghi nhận như khoản chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định tại chuẩn mực kế toán số 16 "Chi phí đi vay".

Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: Trường hợp phát sinh các khoản vốn vay chung, trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất một tài sản dở dang thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hóa trong mỗi kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí phải trả về chi phí thi công, chi phí mua ngoài... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng, thỏa thuận,...

12. Chính sách tiền lương và các khoản bảo hiểm bắt buộc

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động và quy chế tiền lương của Tập đoàn. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ là 25,5%, 4,5% và 2% tương ứng tiền lương của người lao động. Tỷ lệ 21,5% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 10,5% sẽ được trích từ lương của người lao động.

Tiền lương chi trả cho người lao động được quy định trong hợp đồng lao động.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**Lợi nhuận chưa phân phối**

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Tập đoàn và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu bán Bất động sản

Đối với các công trình, hạng mục công trình mà Tập đoàn là chủ đầu tư: doanh thu bán Bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện: 1. Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu Bất động sản cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý Bất động sản như người sở hữu Bất động sản hoặc quyền kiểm soát Bất động sản; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán Bất động sản; 5. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán Bất động sản.

Đối với doanh thu bán Bất động sản phân lô bán nền: doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện: 1. Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; 3. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất; 4. Doanh nghiệp đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, Bất động sản đầu tư bán trong kỳ; các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh Bất động sản đầu tư và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Các chi phí vượt trên mức tiêu hao bình thường được ghi nhận ngay vào giá vốn theo nguyên tắc thận trọng.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Chi phí đi vay vốn.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Tập đoàn trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước. Tập đoàn không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ và hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ các kỳ trước.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng tại Tập đoàn là 20%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

18. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Công cụ tài chính:**Ghi nhận ban đầu:****Tài sản tài chính**

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

20. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những Tập đoàn liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2020	01/01/2020
Tiền	17.954.099.278	27.158.738.635
Tiền mặt	1.022.653.243	932.429.795
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.931.446.035	26.226.308.840
Các khoản tương đương tiền	11.143.668.746	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 3 tháng	11.143.668.746	5.000.000.000
Cộng	29.097.768.024	32.158.738.635

2. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.854.546.257	-	24.817.470.801	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Tp.HCM	25.854.546.257	-	24.817.470.801	-
Cộng	25.854.546.257	-	24.817.470.801	-
b. Đầu tư vào công ty liên kết	Giá gốc	Giá trị theo PP vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo PP vốn chủ sở hữu
	10.357.000.000	8.960.291.761	20.010.725.000	20.008.703.287
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vinatown	-	-	20.010.725.000	20.008.703.287
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất động sản Thăng Lợi Tây Nguyên (1)	1.762.000.000	1.762.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất động sản Thăng Lợi Miền Nam (2)	1.070.000.000	1.070.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần Kinh Doanh Dịch Vụ Winservice (3)	25.000.000	25.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần Địa Ốc Thăng Lợi Long An (4)	3.000.000.000	1.169.612.473	-	-
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Newland (5)	4.500.000.000	4.933.679.288	-	-
Cộng	10.357.000.000	8.960.291.761	20.010.725.000	20.008.703.287

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

2. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**- Tình hình hoạt động của các Công ty liên kết và các giao dịch trọng yếu giữa các bên liên quan trong năm**

(1) Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Tây Nguyên hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316530370 ngày 09 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND. Tập đoàn đăng ký đầu tư góp vốn là 6.000.000.000 VND (tương ứng 600.000 cổ phần) tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Tây Nguyên mới đi vào hoạt động.

(2) Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Miền Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316543933 ngày 16 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND. Tập đoàn đăng ký đầu tư góp vốn là 6.000.000.000 VND (tương ứng 600.000 cổ phần) tương đương 30% vốn điều lệ. Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Miền Nam mới đi vào hoạt động.

(3) Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Winservice hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316539140 ngày 14 tháng 10 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu với vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND. Tập đoàn đăng ký đầu tư góp vốn là 8.000.000.000 VND (tương ứng 800.000 cổ phần) tương đương 40% vốn điều lệ. Trong năm 2020, Công ty Cổ phần Kinh Doanh Dịch Vụ Winservice mới đi vào hoạt động.

(4) Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi Long An hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1101841875 ngày 11 tháng 9 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Long An cấp lần 1 với vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng theo hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 05 tháng 9 năm 2020 với giá trị là 3.000.000.000 VND (tương ứng 300.000 cổ phần) tương đương 30% vốn điều lệ.

(5) Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312374730 ngày 23 tháng 7 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với vốn điều lệ là 10.000.000.000 VND. Tập đoàn đã nhận chuyển nhượng từ các cổ đông theo hợp đồng chuyển nhượng ký ngày 01 tháng 9 năm 2020 với giá trị là 4.500.000.000 VND (tương ứng 450.000 cổ phần) tương đương 45% vốn điều lệ. Trong năm 2020, Công ty Cổ Phần Xây Dựng Địa Ốc Newland đã hoạt động có lãi.

Giá trị hợp lý tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 của khoản đầu tư vào các đơn vị chưa đại chúng đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này. Do vậy, Tập đoàn không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

3. Phải thu của khách hàng

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	39.772.683.726	-	43.745.445.522	(1.050.900.000)
Thu tiền khách hàng mua Bất động sản	39.313.515.226	-	42.694.545.522	-
Phải thu các khách hàng khác	459.168.500	-	1.050.900.000	(1.050.900.000)
Cộng	39.772.683.726	-	43.745.445.522	(1.050.900.000)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

4. Trả trước cho người bán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	135.850.861.710	(5.711.237.152)	63.611.688.247	-
Công ty Cổ phần Đầu tư & Kinh doanh Bất động sản Winhouse (1)	14.433.249.849	-	15.847.786.439	-
Công ty TNHH MTV Hữu Phúc (2)	28.000.000.000	-	28.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa ốc New Land (3)	36.109.454.586	-	-	-
Công ty Đấu Giá Hợp Danh Thanh Nam (4)	17.490.000.000	-	-	-
Nhà cung cấp khác	39.818.157.275	(5.711.237.152)	19.763.901.808	-
Cộng	135.850.861.710	(5.711.237.152)	63.611.688.247	-
b. Trả trước cho người bán là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	14.433.249.849	-	15.847.786.439	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland	36.109.454.586	-	-	-
Cộng	50.542.704.435	-	15.847.786.439	-

(1) Ứng trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse theo hợp đồng môi giới số 09/2020HĐMG-TLG-TLL, 10/2020HĐMG-TLG-TLL và 15/2020HĐMG-TLG-TLL để thực hiện môi giới cho các dự án.

(2) Ứng trước theo hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 14/HĐĐC-2019 ngày 16 tháng 5 năm 2019 và phụ lục hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 14/HĐĐC-2019 ngày 26 tháng 6 năm 2019. Công ty TNHH MTV Hữu Phúc đồng ý chuyển nhượng toàn bộ 59.000m² đất ở thuộc dự án KDC Hữu Phúc tại địa chỉ: ấp Cầu Rạt, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

(3) Ứng trước theo hợp đồng giao thầu xây dựng công trình số 0001/HĐ/2020/HS-NL ngày 11 tháng 10 năm 2020 để triển khai thực hiện tổng thể các hạng mục: Xây dựng tòa nhà Clubhouse, Công viên 1653, Công viên Clubhouse, Hồ Bơi, Sân thể thao đa năng 1653h, Đại Lộ Thăng Lợi, Công viên ven sông, Công viên vòng xoay cao tốc của dự án Central Hill và dự án Young Town.

(4) Ứng trước tham gia đấu giá Quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu Bến xe - Dân cư Kiến Tường tại Long An theo thông báo số: 187/TB-ĐGTS ngày 09 tháng 12 năm 2020.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

5. Phải thu về cho vay	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	26.830.000.000	-	43.950.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc New Land	4.735.000.000	-	3.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thắng Lợi Holding	9.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Địa ốc Galaxy	4.810.000.000	-	3.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	8.285.000.000	-	-	-
Các Công ty khác	-	-	36.400.000.000	-
b. Dài hạn	-	-	61.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thắng Lợi Group	-	-	61.000.000.000	-
Cộng	26.830.000.000	-	104.950.000.000	-
c. Phải thu về cho vay là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc New Land	4.735.000.000	-	3.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thắng Lợi Holding	9.000.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Địa ốc Galaxy	4.810.000.000	-	3.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	8.285.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thắng Lợi Group	-	-	61.000.000.000	-
Cộng	26.830.000.000	-	68.550.000.000	-

(*) Cho các công ty thành viên trong Tập đoàn vay để hỗ trợ vốn lưu động phục vụ thực hiện dự án. Cho vay tín chấp với lãi suất theo thỏa thuận của từng thời điểm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

6. Phải thu khác	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	167.698.448.429	(31.655.335)	231.858.372.843	(1.326.089.113)
Các khoản BHXH	82.231.410	-	25.742.320	-
Tạm ứng (1)	47.751.596.327	-	56.822.928.815	-
Ký cược, ký quỹ	27.070.000.000	-	27.065.000.000	-
Các khoản phải thu khác	92.794.620.692	(31.655.335)	57.944.701.708	(1.326.089.113)
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Thắng Lợi Holding (2)</i>	<i>31.767.068.493</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>61.027.552.199</i>	<i>(31.655.335)</i>	<i>57.944.701.708</i>	<i>(1.326.089.113)</i>
Phải thu về hợp đồng hợp tác đầu tư (3)	-	-	90.000.000.000	-
Cộng	167.698.448.429	(31.655.335)	231.858.372.843	(1.326.089.113)
b. Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty Cổ phần Đầu tư Thắng Lợi Holding	31.767.068.493	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thắng Lợi Tây Nguyên	210.000.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy	441.896.110	-	-	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thắng Lợi Long An	666.829.175	-	-	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc New Land	3.048.152.328	-	-	-
Công ty Cổ phần ĐT & KD BĐS Winhouse	676.782.466	-	-	-
Ông Dương Long Thành	-	-	91.202.145	-
Cộng	36.810.728.572	-	91.202.145	-

(1) Tạm ứng cho các nhân viên để thực hiện tìm kiếm quỹ đất nhằm mở rộng và phát triển các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

(2) Khoản phải thu từ việc chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Vinatown theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ký ngày 28 tháng 3 năm 2020 và hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 9 năm 2020 về việc chuyển nhượng 450.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa Ốc Xây Dựng New Land, tương đương 4.500.000.000 VND; hợp đồng chuyển nhượng ngày 5 tháng 9 năm 2020 về việc chuyển nhượng 210.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa Ốc Thắng Lợi Long An, tương đương 2.100.000.000 VND; hợp đồng chuyển nhượng ngày 10 tháng 9 năm 2020 về việc chuyển nhượng 510.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse, tương đương 5.100.000.000 VND.

(3) Khoản hợp tác đầu tư theo hợp đồng hợp tác đầu tư ngày 04 tháng 3 năm 2019 đã được tất toán theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/2020/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 3 năm 2020 và giá trị khoản hợp tác đầu tư này được chuyển đổi thành khoản thanh toán cho hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 08/2020/HĐCN-CTH ngày 25 tháng 3 năm 2020. Theo đó, Tập đoàn sẽ chiếm quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Bất động sản Central Hill (tên cũ là Công ty Cổ phần Bất động sản Sơn Ca) kể từ ngày hoàn tất việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ hợp pháp của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

7. Nợ xấu (xem trang 43).**8. Hàng tồn kho**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	14.634.576	-
Công cụ, dụng cụ	101.272.728	-	22.272.727	-
Chi phí SX, KD dở dang (*)	677.699.819.249	-	492.318.350.723	-
<i>Dự án Central Hill</i>	<i>104.626.642.537</i>	-	<i>232.863.375.362</i>	-
<i>Dự án The Sol City</i>	<i>190.797.011.893</i>	-	<i>340.998.279</i>	-
<i>Dự án Young Town</i>	<i>216.700.066.226</i>	-	<i>137.277.920.267</i>	-
<i>Dự án J-Dragon</i>	<i>142.390.623.689</i>	-	-	-
<i>Các dự án khác</i>	<i>23.185.474.904</i>	-	<i>121.836.056.815</i>	-
Hàng hoá Bất động sản	47.340.591.261	-	5.544.541.225	-
Cộng	725.141.683.238	-	497.899.799.251	-

(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang chủ yếu là tiền bồi thường, chi phí san lấp, chi phí xây dựng, chi phí thiết kế và chi phí lãi vay được vốn hóa là 14.531.154.878 VND

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm: không có.

- Một phần giá trị quyền sử dụng đất của dự án được dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay của ngân hàng. (Xem chi tiết thuyết minh vay số V.17)

9. Tài sản cố định hữu hình: Xem trang 44.**10. Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	110.440.252.288	204.000.000	110.644.252.288
Số dư cuối năm	110.440.252.288	204.000.000	110.644.252.288
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	161.500.000	161.500.000
<i>Khấu hao trong năm</i>	-	<i>42.500.000</i>	42.500.000
Số dư cuối năm	-	204.000.000	204.000.000
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	110.440.252.288	42.500.000	110.482.752.288
Số dư cuối năm	110.440.252.288	-	110.440.252.288

* Giá trị còn lại của TSCĐVH đã dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản vay: 110.440.252.288 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 204.000.000 VND.

11. Chi phí trả trước

	31/12/2020	01/01/2020
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	2.470.560.882	155.211.719
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	707.336.451	155.211.719
Chi phí truyền thông, quảng cáo	342.743.774	-
Chi phí trả trước khác	1.420.480.657	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

11. Chi phí trả trước (tiếp theo)	31/12/2020	01/01/2020
b. Chi phí trả trước dài hạn	1.853.917.272	5.967.644.824
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	895.417.082	2.207.644.824
Chi phí cung cấp thông tin dữ liệu	958.500.190	3.760.000.000
Cộng	4.324.478.154	6.122.856.543

12. Phải trả người bán	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	36.627.762.732	36.627.762.732	58.890.596.773	58.890.596.773
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (*)	9.289.670.131	9.289.670.131	9.289.670.131	9.289.670.131
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại và Xây dựng Châu Việt	6.513.729.101	6.513.729.101	8.759.591.143	8.759.591.143
Công ty TNHH Hải Sơn	-	-	24.537.921.896	24.537.921.896
Công ty TNHH MTV Xây dựng Ngọc Sơn	3.271.908.184	3.271.908.184	7.339.315.611	7.339.315.611
Công ty TNHH MTV Nam Phong	5.219.840.080	5.219.840.080	-	-
Các nhà cung cấp khác	12.332.615.236	12.332.615.236	8.964.097.992	8.964.097.992
Cộng	36.627.762.732	36.627.762.732	58.890.596.773	58.890.596.773

b. Phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất động sản Thăng Lợi Tây Nguyên	257.000.000	257.000.000	-	-
Công ty Cổ Phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất động sản Thăng Lợi Miền Nam	857.839.851	857.839.851	-	-
Cộng	1.114.839.851	1.114.839.851	-	-

(*) Theo nội dung Biên bản cuộc họp ngày 26/12/2019 giữa Tập đoàn và Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (TDH) do TDH chưa hoàn tất thủ tục bàn giao 28 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất cho Tập đoàn nên khoản phải trả này chưa được thanh toán đến thời điểm 31/12/2020.

13. Người mua trả tiền trước	31/12/2020	01/01/2020
Ngắn hạn	38.439.207.317	17.975.053.649
Khách hàng ứng tiền mua Bất động sản	38.439.207.317	17.975.053.649
Cộng	38.439.207.317	17.975.053.649

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	01/01/2020	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2020
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	13.501.537.142	13.501.537.142	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.445.507.471	24.393.780.984	14.530.366.037	19.308.922.418
Thuế thu nhập cá nhân	793.598.924	1.905.249.711	2.211.495.445	487.353.190
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	113.969.958	113.969.958	-
Cộng	10.239.106.395	39.918.537.795	30.361.368.582	19.796.275.608

15. Chi phí phải trả

	31/12/2020	01/01/2020
Ngắn hạn	7.515.455.972	32.385.458.416
Trích trước chi phí xây dựng hạ tầng dự án Thăng Lợi Central Hill	-	11.256.844.277
Trích trước chi phí nhà phố dự án Thăng Lợi Central Hill	-	15.836.674.799
Trích trước chi phí xây dựng cảnh quan dự án Thăng Lợi Central Hill	-	3.205.139.145
Trích trước dự án Galaxy Hải Sơn	7.502.429.260	-
Các khoản trích trước khác	13.026.712	2.086.800.195
Cộng	7.515.455.972	32.385.458.416

16. Phải trả khác

	31/12/2020	01/01/2020
a. Ngắn hạn		
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	20.010.000
Kinh phí công đoàn	120.022.551	101.151.665
Các khoản BHXH	2.508.740	9.546.955
Ký quỹ ngắn hạn	3.465.000.000	15.600.000.000
Phải trả khác cho bên liên quan	9.190.168.415	3.000.000.000
Khoản phải trả về mua phần vốn góp	3.000.000.000	2.000.000.000
Phải trả khác là tiền đặt cọc mua Bất động sản (*)	734.388.261.097	684.486.545.910
Cộng	750.165.960.803	705.217.254.530

(*) Khoản phải trả khác là tiền khách hàng đặt cọc mua Bất động sản thuộc các dự án của Tập đoàn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

16. Phải trả khác (tiếp theo)	31/12/2020	01/01/2020		
b. Dài hạn				
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	125.000.000	105.000.000		
Các khoản phải trả cho bên liên quan	52.481.786.000	-		
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy (1)</i>	<i>19.114.796.000</i>	<i>-</i>		
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland (2)</i>	<i>33.366.990.000</i>	<i>-</i>		
Cộng	52.606.786.000	105.000.000		
<p>(1) Công ty mượn tiền Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 04/2020/HĐNT ngày 09 tháng 12 năm 2020. Thời gian mượn tiền là 36 tháng, không có tài sản đảm bảo. Số dư đã bao gồm lãi phải trả.</p> <p>(2) Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 05/2020/HĐNT ngày 15 tháng 6 năm 2020. Thời gian mượn tiền là 36 tháng, không có tài sản đảm bảo. Số dư đã bao gồm lãi phải trả.</p>				
c. Phải trả bên liên quan				
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy	19.114.796.000	-		
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland	33.366.990.000	7.500.000.000		
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi Long An	6.388.438.000	-		
Ông Dương Long Thành	2.801.730.415	3.000.000.000		
Cộng	61.671.954.415	10.500.000.000		
17. Vay và nợ thuê tài chính				
	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn				
(1) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	42.250.000.000	42.250.000.000	25.590.000.000	25.590.000.000
(2) Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM	44.485.000.000	44.485.000.000	9.607.000.000	9.607.000.000
b. Vay dài hạn đến hạn trả	11.685.445.884	11.685.445.884	24.352.556.376	24.352.556.376
(1) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	79.200.000	79.200.000	79.200.000	79.200.000
(2) Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM	10.800.000.000	10.800.000.000	-	-
NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	23.333.340.000	23.333.340.000
(3) Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	806.245.884	806.245.884	940.016.376	940.016.376

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

17. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
c. Vay dài hạn	17.743.187.208	17.743.187.208	14.952.332.272	14.952.332.272
(1) Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	202.000.000	202.000.000	281.200.000	281.200.000
(2) Ngân hàng TMCP Phát Triển TP HCM	15.800.000.000	15.800.000.000	-	-
NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	-	-	11.666.650.000	11.666.650.000
(3) Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	1.741.187.208	1.741.187.208	3.004.482.272	3.004.482.272
Cộng	116.163.633.092	116.163.633.092	74.501.888.648	74.501.888.648

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng

1. Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương gồm có các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng hạn mức tín dụng số: 49/2020/HĐTĐHMDP-PN ngày 20/8/2020. Hạn mức cho vay: 19.100.000.000 VND. Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất 10%/năm. Thời hạn cho vay không quá 9 tháng cho từng lần nhận nợ. Tài sản đảm bảo là 8 Bất động sản tại tỉnh Long An có tổng trị giá 27.465.000.000 VND. Số dư tại ngày 31/12/2020: 19.100.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số: 38/2019/HĐTĐTL-PN ngày 05/6/2019. Số tiền vay: 400.000.000 VND. Thời hạn vay là 60 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay mua xe ô tô. Lãi suất: 9.5%/năm. Tài sản đảm bảo là xe ô tô theo hợp đồng mua bán số 050-1904/PMF-HĐMB ngày 24/4/2019. Số dư tại ngày 31/12/2020: 281.200.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 29/2020/HĐTĐTL-PN ngày 09/6/2020. Tổng hạn mức vay: 8.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: 10%/năm, được điều chỉnh định kỳ 6 tháng/lần cho từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay: thanh toán tiền tạm ứng thi công xây dựng hạ tầng Dự án Khu dân cư dành cho người có thu nhập thấp tại xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất thương mại thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ số 20, xã Phước Lợi, huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Số dư tại ngày 31/12/2020: 8.000.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 30/2020/HĐTĐTL-PN ngày 09/6/2020. Tổng hạn mức vay: 8.000.000.000 VND. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất: 10%/năm, được điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần cho từng Giấy nhận nợ. Mục đích vay: thanh toán tiền thi công xây dựng 20 căn Nhà phố thuộc Dự án Khu dân cư thương mại Thị trấn Cần Đước, tại Thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An. Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất ở tại nông thôn thuộc thửa đất số 618, 619, 621, 625, 629, 633, 649, 666, tờ bản đồ số 28, xã Đức Hòa Hạ, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Số dư tại ngày 31/12/2020: 7.150.000.000 VND.

Hợp đồng vay số 42/2019/HĐTĐTL-PN ngày 12/6/2019. Thời hạn vay: 12 tháng. Lãi suất vay: 10%. Mục đích vay: Thanh toán tiền xây dựng hạ tầng cho dự án. Tài sản đảm bảo là Quyền sử dụng 2.464 m² đất thương mại thuộc thửa đất số 315, tờ bản đồ số 16, xã Đức Lập Thượng, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Số dư tại ngày 31/12/2020: 8.000.000.000 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

Thuyết minh các khoản vay ngân hàng (tiếp theo)

2. Khoản vay Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM gồm có các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng tín dụng số: 15154/20MN/HDTD ngày 17/6/2020. Số tiền vay: 32.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 36 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để bù đắp chi phí chuyển nhượng Bất động sản tại 51 Kinh Dương Vương, phường 12, quận 6, TP. HCM. Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là Bất động sản tọa lạc tại 51 Kinh Dương Vương, phường 12, quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh trị giá 88.648.000.000 VND. Số dư tại ngày 31/12/2020: 26.600.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 38901/19MN/HDTD ngày 18/10/2019 và Phụ lục hợp đồng số 38901 /19MN/HDTD/ PL01 ngày 17/6/2020 , số tiền vay: 50.000.000.000 VND. Thời hạn vay 06 tháng, lãi suất 9.2%/năm. Biện pháp đảm bảo là bảo lãnh của vợ chồng ông Dương Long Thành (cổ đông lớn của Bên được cấp tín dụng), thế chấp 04 Bất động sản thuộc sở hữu của Ông Dương Long Thành và Bà Đào Thị Thảo Uyên tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Số dư tại ngày 31/12/2020: 34.270.000.000 VND.

Hợp đồng tín dụng hạn mức số 34611/20MN/HDTD ngày 03/11/2020, số tiền vay: 50.000.000.000 VND. Thời hạn vay là 12 tháng. Mục đích sử dụng vốn vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ. Tài sản đảm bảo là thế chấp các Bất động sản thuộc sở hữu của Ông Dương Long Thành và Bà Đào Thị Thảo Uyên tại huyện Bến Lức, tỉnh Long An và các Bất động sản thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Địa ốc Thăng Lợi tại Thành phố Hồ Chí Minh và Long An. Số dư tại ngày 31/12/2020: 10.215.000.000 VND.

3. Khoản vay Ngân Hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam gồm có các hợp đồng vay sau:

Hợp đồng số SHBVN/Q11/08102018/HDTD/CTTL ngày 08/10/2018; SHBVN/Q11/14112018/HDTD/CTTL ngày 14/11/2018; SHBVN/Q11/03122018/HDTD/CTTL ngày 03/12/2018; SHBVN/Q11/08052019/HDTD/CTTL ngày 08/05/2019; SHBVN/Q11/23052019/HDTD/CTTL ngày 23/05/2019 và SHBVN/Q11/02052019/HDTD/CTTL ngày 02/05/2019. Thời hạn vay 60 tháng. Lãi suất vay theo các hợp đồng vay cụ thể. Mục đích vay: mua xe ô tô. Tài sản đảm bảo là các xe ô tô hình thành từ hợp đồng vay.

18. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	LN sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	27.766.556.875	-	122.147.250.521
Vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	10.200.000.000	10.200.000.000
Lợi nhuận	-	40.154.551.516	(7.587.789)	40.146.963.727
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	(19.006)	(19.006)
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	67.921.108.391	10.192.393.205	278.113.501.596
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	67.921.108.391	10.192.393.205	278.113.501.596
Vốn của cổ đông không kiểm soát	-	-	(3.300.000.000)	(3.300.000.000)
Tăng vốn	200.000.000.000	(50.000.000.000)	-	150.000.000.000
Lợi nhuận	-	77.985.307.196	855.768.805	78.841.076.001
Trích quỹ phúc lợi năm 2019	-	(3.000.000.000)	-	(3.000.000.000)
Điều chỉnh do hợp nhất	-	-	(17.535.394)	(17.535.394)
Số dư cuối năm nay	400.000.000.000	92.906.415.587	7.730.626.616	500.637.042.203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

18. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2020	01/01/2020
Ông Dương Long Thành	83,738%	334.951.150.000	163.277.870.000
Bà Đào Thị Thảo Uyên	0,630%	2.520.000.000	2.000.000.000
Ông Nguyễn Thanh Quyên	9,403%	37.610.090.000	30.024.070.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	4,688%	18.750.000.000	-
Các cổ đông khác	1,542%	6.168.760.000	4.698.060.000
Cộng	100,00%	400.000.000.000	200.000.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020	Năm 2019
Vốn góp của chủ sở hữu		
<i>Vốn góp đầu năm</i>	200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>	200.000.000.000	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>	400.000.000.000	200.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	40.000.000	20.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	40.000.000	20.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.000.000	20.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.	10.000	10.000

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	31/12/2020	01/01/2020
	Giá trị	Giá trị
Nợ khó đòi đã xử lý	2.376.989.113	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Năm 2020

Năm 2019

a. Doanh thu

Doanh thu bán hàng hóa Bất động sản	492.339.308.620	341.603.917.408
Doanh thu môi giới Bất động sản	-	6.706.164.037
Doanh thu hợp tác kinh doanh	-	1.196.087.671
Cộng	492.339.308.620	349.506.169.116

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

Năm 2020

Năm 2019

Công ty Cổ phần Xây Dựng Địa Ốc Newland	270.000.000	-
Cộng	270.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

	Năm 2020	Năm 2019
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hàng bán bị trả lại	7.837.726.900	8.350.898.022
Cộng	7.837.726.900	8.350.898.022
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thuần bán hàng hóa Bất động sản	484.501.581.720	333.253.019.386
Doanh thu thuần môi giới Bất động sản	-	6.706.164.037
Doanh thu hợp tác kinh doanh	-	1.196.087.671
Cộng	484.501.581.720	341.155.271.094
4. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa Bất động sản đã bán	309.615.034.387	175.920.785.614
Giá vốn môi giới Bất động sản	-	7.770.369.266
Cộng	309.615.034.387	183.691.154.880
5. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	12.028.207.112	792.881.173
Lãi bán hàng trả chậm	35.247.960	80.161.606
Cộng	12.063.455.072	873.042.779
6. Chi phí tài chính		
Lãi tiền vay	13.860.589.074	7.638.574.289
Cộng	13.860.589.074	7.638.574.289
7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	1.346.465.855	10.144.726.435
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.325.783	336.149.668
Chi phí khấu hao TSCĐ	765.500.001	765.499.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	32.447.239.308	44.694.196.867
Chi phí bằng tiền khác	393.718.438	2.039.838.761
Cộng	34.965.249.385	57.980.411.723

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

7. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp (tiếp theo)	Năm 2020	Năm 2019
b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	8.781.358.902	17.771.039.591
Chi phí vật liệu, bao bì	-	4.000.000
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.115.344.569	2.382.323.407
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.539.871.857	4.826.107.295
Thuế, phí, lệ phí	40.097.930	1.984.515.050
Dự phòng phải thu khó đòi	5.742.892.487	1.188.494.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.071.527.299	5.567.382.701
Chi phí bằng tiền khác	12.990.364.702	8.430.525.970
Cộng	38.281.457.746	42.154.388.570
8. Thu nhập khác	Năm 2020	Năm 2019
Tiền phạt thu được	1.712.846.088	291.195.081
Các khoản khác	288.929.254	393.211.908
Cộng	2.001.775.342	684.406.989
9. Chi phí khác	Năm 2020	Năm 2019
Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	37.095.084	-
Các khoản bị phạt	726.223.730	555.723.478
Các khoản khác	3.904.726.331	37.182.011
Cộng	4.668.045.145	592.905.489
10. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2020	Năm 2019
Chi phí xây dựng và giá trị đất	309.615.034.387	181.864.649.998
Chi phí nhân công	10.127.824.757	27.915.766.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.329.272.695	5.561.075.748
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.518.766.607	50.261.579.568
Chi phí khác bằng tiền	15.551.851.422	15.177.352.856
Cộng	377.142.749.868	280.780.424.196
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2020	Năm 2019
1. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	24.393.780.984	10.506.300.471
2. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24.393.780.984	10.506.300.471

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

12. Lãi trên cổ phiếu	Năm 2020	Năm 2019
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	77.985.307.196	40.154.551.516
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(3.000.000.000)
- Các khoản điều chỉnh giảm (*)	-	(3.000.000.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	77.985.307.196	37.154.551.516
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	26.167.881	20.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.980	1.858
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	2.980	1.858

(*) Các chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính chưa trừ số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi do số liệu quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020 chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Các chỉ tiêu này sẽ được điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày 31/12/2020.

VII. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản

Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay và nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Tập đoàn nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 và ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Tập đoàn.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các (khoản vay và nợ, tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn) của Tập đoàn đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các (khoản vay) với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

1. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Năm nay		
VND	+200	(1.741.317.301)
	-200	1.741.317.301
Năm trước		
VND	+100	(423.431.500)
	-100	423.431.500

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn bằng các đơn vị tiền tệ khác Đồng Việt Nam.

Công ty quản lý rủi ro ngoại tệ bằng cách xem xét tình hình thị trường hiện hành và dự kiến khi Công ty lập kế hoạch cho các nghiệp vụ trong tương lai bằng ngoại tệ. Công ty không sử dụng bất kỳ công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa rủi ro ngoại tệ của mình.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Tập đoàn không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ vì rủi ro do thay đổi ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất là không đáng kể

Rủi ro về Bất động sản

Tập đoàn đã xác định được các rủi ro sau liên quan đến danh mục đầu tư Bất động sản: (i) các chi phí phải trả dự án có thể tăng nếu có sự chậm trễ trong quá trình lập kế hoạch. Tập đoàn thuê các chuyên gia cố vấn chuyên về cách lập kế hoạch cụ thể trong phạm vi đề án nhằm giảm các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình lập kế hoạch; (ii) rủi ro giá trị hợp lý của danh mục đầu tư Bất động sản do các yếu tố cơ bản của thị trường và người mua.

2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt Tập đoàn thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Tập đoàn liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn đánh giá rằng hầu hết các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm vì các tài sản tài chính này đều liên quan đến các khách hàng có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngắn hạn ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	98.420.445.884	17.743.187.208	-	116.163.633.092
Phải trả người bán	36.627.762.732	-	-	36.627.762.732
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	757.558.885.484	52.606.786.000	-	810.165.671.484
Cộng	892.607.094.100	70.349.973.208	-	962.957.067.308
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản vay và nợ	59.549.556.376	14.952.332.272	-	74.501.888.648
Phải trả người bán	58.890.596.773	-	-	58.890.596.773
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	737.472.004.326	105.000.000	-	737.577.004.326
Cộng	855.912.157.475	15.057.332.272	-	870.969.489.747

Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các bên cho vay hiện tại.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng quyền sử dụng đất và tài sản hữu hình thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn từ các Ngân hàng (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính).

Tập đoàn đang sử dụng các quyền sử dụng đất của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 để đảm bảo cho các khoản vay từ các Ngân hàng (Thuyết minh số V.17 - Vay và nợ thuê tài chính).

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính (Xem trang 45).

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2019. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

IX. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Tiền chi trong năm đối với các khoản chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác nhưng không bao gồm số tiền 90.000.000.000 đồng, là số tiền đã phát sinh tăng thêm nhưng được bù trừ với tiền thu hồi cho vay nên khoản này được điều chỉnh tương ứng với chỉ tiêu tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác.

2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	201.942.660.362	64.947.000.000

3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2020	Năm 2019
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(160.280.915.918)	(66.391.842.992)

X. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và thông tin tài chính nào phát sinh kể từ ngày kết thúc năm tài chính phải có thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan	Mối liên hệ
Công ty liên kết	
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Miền Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Tây Nguyên	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi Long An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland	Công ty liên kết
Công ty liên quan khác	
Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Lợi Holding	Công ty liên quan khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy	Công ty liên quan khác
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	Công ty liên quan khác

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan	Năm 2020	Năm 2019
+ Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland	270.000.000	-
+ Thu nhập khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Miền Nam	17.504.546	-
+ Mua hàng và nhận dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	(46.426.871.543)	(13.987.903.238)
Công ty Cổ phần Xây Dựng Địa Ốc Newland	(6.800.800.000)	(5.707.418.866)
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Miền Nam	(779.854.410)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thăng Lợi Tây Nguyên	(233.636.364)	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi Long An	(967.031.605)	-
+ Lãi hỗ trợ vốn		
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi Long An	44.997.260	-
Công ty Cổ phần Xây Dựng Địa Ốc Newland	3.048.152.328	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	676.782.466	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Lợi Holding	67.068.493	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy	441.896.110	-
Ông Dương Long Thành	2.869.335.616	-
+ Phí hỗ trợ vốn		
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thăng Lợi Long An	(316.438.000)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland	(1.954.990.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy	(46.796.000)	-
+ Phải thu về cho vay là các bên liên quan	26.830.000.000	68.550.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc New Land	4.735.000.000	3.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Lợi Holding	9.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh Doanh Địa ốc Galaxy	4.810.000.000	3.750.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	8.285.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Lợi Group	-	61.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính	31/12/2020	01/01/2020
+ Phải thu khác là các bên liên quan	36.810.728.572	91.202.145
Công ty Cổ phần Đầu tư Thắng Lợi Holding	31.767.068.493	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thắng Lợi Tây Nguyên	210.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy	441.896.110	-
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thắng Lợi Long An	666.829.175	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc New Land	3.048.152.328	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	676.782.466	-
Ông Dương Long Thành	-	91.202.145
+ Trả trước cho các bên liên quan	50.542.704.435	19.068.741.025
Công ty Cổ phần Xây Dựng Địa Ốc Newland	36.109.454.586	3.220.954.586
Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Winhouse	14.433.249.849	15.847.786.439
+ Phải trả người bán là các bên liên quan	(1.114.839.851)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thắng Lợi Tây Nguyên	(257.000.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu Tư Kinh Doanh Bất động sản Thắng Lợi Miền Nam	(857.839.851)	-
+ Phải trả khác là các bên liên quan	(61.671.954.415)	(10.500.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Kinh doanh Địa Ốc Galaxy	(19.114.796.000)	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Địa Ốc Newland	(33.366.990.000)	(7.500.000.000)
Công ty Cổ phần Địa Ốc Thắng Lợi Long An	(6.388.438.000)	-
Ông Dương Long Thành	(2.801.730.415)	(3.000.000.000)
+ Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Năm 2020	Năm 2019
Thành viên chủ chốt	Lương và thưởng	
	1.768.445.180	1.565.630.228
Cộng	1.768.445.180	1.565.630.228

4. Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận**Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh****a. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2020**

Trong năm 2020, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh hàng hóa Bất động sản được phân tích doanh thu và giá vốn như sau:

Lĩnh vực Kinh doanh	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bán hàng hóa Bất động sản	484.501.581.720	309.615.034.387	174.886.547.333
Cộng	484.501.581.720	309.615.034.387	174.886.547.333

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

4. Trình bày doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận (tiếp theo)**b. Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh niên độ 2019**

Trong năm 2019, Tập đoàn báo cáo hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh hàng hóa Bất động sản, môi giới Bất động sản và hợp tác kinh doanh được phân tích doanh thu và giá vốn như sau:

Lĩnh vực Kinh doanh	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Bán hàng hóa Bất động sản	333.253.019.386	175.920.785.614	157.332.233.772
Môi giới Bất động sản	6.706.164.037	7.770.369.266	(1.064.205.229)
Hợp tác kinh doanh	1.196.087.671	-	1.196.087.671
Cộng	341.155.271.094	183.691.154.880	157.464.116.214

5. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được trình bày lại cho phù hợp với hướng dẫn của Chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng cho năm hiện hành.

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2019	Chênh lệch
	Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.008	1.858	150
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	2.008	1.858	150

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. HCM, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thế Huân

Nguyễn Thị Anh Thư

Nguyễn Thanh Quyền

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

V.7 Nợ xấu	31/12/2020			01/01/2020		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Đối tượng nợ
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	9.499.685.494	3.756.793.007		2.376.989.113	-	
Công ty Cổ phần Đầu Tư Và Dịch Vụ Global Land	-	-		2.376.989.113	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Và Phát triển Dự án Hạ tầng Thái Bình Dương	296.750.000	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu Tư Hoa Lư Bình Phước	4.000.000.000	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	-	-	
Các khách hàng khác	31.655.335	-	Khoản phải thu quá hạn trên 3 năm	-	-	
Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng Phúc Điền	5.171.280.159	3.756.793.007	Khoản phải thu quá hạn từ 1 - dưới 2 năm	-	-	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

V.9 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14.995.548.614	3.568.326.285	11.738.535.419	560.343.544	30.862.753.862
<i>Mua trong năm</i>	-	1.863.152.727	-	1.074.181.818	2.937.334.545
<i>ĐT XDCB h.thành</i>	97.454.545	-	-	-	97.454.545
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(1.002.936.364)	-	(1.002.936.364)
Số dư cuối năm	15.093.003.159	5.431.479.012	10.735.599.055	1.634.525.362	32.894.606.588
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.985.287.501	785.270.512	3.211.626.214	94.536.608	7.076.720.835
<i>Khấu hao trong năm</i>	2.983.109.724	1.070.539.275	1.928.586.381	304.537.315	6.286.772.695
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	(202.204.916)	-	(202.204.916)
Số dư cuối năm	5.968.397.225	1.855.809.787	4.938.007.679	399.073.923	13.161.288.614
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	12.010.261.113	2.783.055.773	8.526.909.205	465.806.936	23.786.033.027
Số dư cuối năm	9.124.605.934	3.575.669.225	5.797.591.376	1.235.451.439	19.733.317.974

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 12.689.351.394 VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 946.527.273 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam.

VIII. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2020		31/12/2019		31/12/2020	31/12/2019
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	25.854.546.257	-	24.817.470.801	-	25.854.546.257	24.817.470.801
- Phải thu khách hàng	39.772.683.726	-	43.745.445.522	(1.050.900.000)	39.772.683.726	42.694.545.522
- Phải thu về cho vay	26.830.000.000	-	43.950.000.000	-	26.830.000.000	43.950.000.000
- Phải thu khác	119.864.620.692	(31.655.335)	175.009.701.708	(1.326.089.113)	119.832.965.357	173.683.612.595
- Tiền và các khoản tương đương tiền	29.097.768.024	-	32.158.738.635	-	29.097.768.024	32.158.738.635
TỔNG CỘNG	241.419.618.699	(31.655.335)	319.681.356.666	(2.376.989.113)	241.387.963.364	317.304.367.553
Nợ phải trả tài chính						
- Vay và nợ	116.163.633.092	-	74.501.888.648	-	115.807.440.206	74.501.888.648
- Phải trả người bán	36.627.762.732	-	58.890.596.773	-	36.627.762.732	58.890.596.773
- Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	810.165.671.484	-	737.577.004.326	-	810.165.671.484	737.577.004.326
TỔNG CỘNG	962.957.067.308	-	870.969.489.747	-	962.600.874.422	870.969.489.747